TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2017/DS-PT
Ngày 10-11- 2017
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hùng

Bà Cao Thị Túy Giang

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2017/TLPT-DS ngày 29 tháng 8 năm 2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 64/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lâm Văn Đ (ông Đ), sinh năm 1952

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Bà Lâm Thị Út M (bà Lâm Thị N, bà Lâm Thị M, bà M), sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1959
2. Ông Phan Lệ T, sinh năm 1974
3. Bà Lâm Kim H, sinh năm 1986
4. Ông Lâm Văn T, sinh năm 1983

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Kim H, ông Lâm Văn T: Ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1952. (Văn bản ủy quyền ngày 11/11/2016).

5. Ông Lâm Văn N, sinh năm 1975

6. Bà Đỗ Thị Xuân E, sinh năm 1952

7. Ông Lâm Văn Ng, sinh năm 1977

8. Anh Lâm Hải Đ, sinh năm 2000

9. Anh Phan Mạnh H, sinh năm 2003

Người đại diện theo pháp luật của anh Lâm Hải Đ, anh Phan Mạnh H: Ông Phan Lệ T và bà Lâm Thị Út M.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

10. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh H là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

11. Ngân hàng N

Địa chỉ: Đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Minh T, chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lâm Văn Đ.

(Ông Lâm Văn Đ, bà Hoàng Thị L, bà Lâm Thị Út M, ông Phan Lệ T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lâm Văn Đ trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của mẹ ruột ông cho ông cách nay trên 20 năm, đến khoảng năm 2003 - 2004 thì vợ chồng ông có chuyển nhượng một phần đất vườn diện tích 0,5 công tầm cấy cho ông Lâm Văn C với giá 9.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng có làm giấy tay do ông viết và ông C đứng tên trong giấy chuyển nhượng đất (sang đất). Khi chuyển nhượng đất chỉ có vợ chồng ông và ông C chứng kiến. Khi chuyển nhượng đất không có đo đạc thực tế, ông có chỉ ranh phần đất chuyển nhượng từ đất ông Hứa Văn T qua phía đất của ông là 0,5 công tầm cấy. Sau khi nhận chuyển nhượng đất được khoảng 3 - 4 tháng thì bà Lâm Thị Út M là con gái của ông C cất nhà ở, lúc này ông đi trị bệnh nên không có ở nhà, sau đó ông về thì thấy ông C có cắm trụ đá làm

ranh nhưng ông cũng không có ý kiến gì. Sau đó khoảng 8 - 9 tháng thì ông có tự kéo dây để đo lại phần đất đã chuyển nhượng thì phát hiện bà M lấn đất của ông. Hiện nay, bà M đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp. Do đó, ông yêu cầu bà M giao trả phần đất có diện tích ngang 2,4 mét và dài 54,1 mét. Ngoài ra, ông Đ còn yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 150, tờ bản đồ số 45 cấp cho bà Lâm Thị Út M.

Bị đơn bà Lâm Thị Út M trình bày: Thống nhất nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lâm Văn Đ do cha của bà là ông Lâm Văn C nhận chuyển nhượng vào năm 2003 với giá 9.000.000 đồng, khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay, do cha của bà quản lý nhưng hiện nay giấy tay đang ở đâu thì bà không biết. Đến năm 2004, bà M cất nhà ở và đến năm 2013 bà làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi đoàn đo đạc đo đất thực tế để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Đ có đứng ra chỉ cho cán bộ đo đạc. Bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/8/2013 với diện tích 714,8m^2. Do đó, bà không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông Đ. Ngoài ra, bà có yêu cầu phản tố yêu cầu ông Lâm Văn Đ và bà Hoàng Thị L trả diện tích đất qua đo đạc có diện tích 10,5m^2 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà, do khi ông Đ ủi đất đã lấn sang đất của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L trình bày: Bà Hoàng Thị L thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Lệ T và là người đại diện theo pháp luật cho anh Lâm Hải Đ và anh Phan Mạnh H trình bày: Ông Phan Lệ T thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn T và bà Lâm Kim H có biên bản ghi lời khai ngày 12/10/2015 như sau: Bà Lâm Kim H, ông Lâm Văn T không có ý kiến và thống nhất với yêu cầu của ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Xuân E, ông Lâm Văn Ng và ông Lâm Văn N có biên bản lời khai ghi ngày 01/6/2017 như sau: Bà Đỗ Thị Xuân E, ông Lâm Văn N và ông Lâm Văn Ng xác định không có ý kiến gì và thống nhất với yêu cầu của bà M.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Hà Minh T có Bản tự khai trình bày như sau: Tính đến ngày 02/7/2017 bà M nợ gốc tổng cộng số tiền 100.000.000 đồng và lãi phát sinh là 3.026.600 đồng, bà M có thế chấp quyền sử dụng đất đang tranh chấp với ông Đ cùng với nhiều quyền sử dụng đất khác đứng tên của bà để vay vốn Ngân hàng. Ý kiến của Ngân hàng là không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện P - ông Phạm Thanh H có Bản tự khai ghi ngày 30/11/2016 trình bày: Theo yêu cầu của ông Đ đòi hủy một phần diện tích đất tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lâm Thị Út M ở một phần thửa 150, tờ bản đồ số 45. Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện P đề nghị Tòa án nhân dân huyện P căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ nội dung trên tại bản án số 16/2017/DS-ST ngày 05/7/2017, Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 15/2017/QĐ-SCBSBA ngày 11/8/2017 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 16/2017/QĐ-SCBSBA ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 157, 158, 165, 166 và Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 99, Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn Đ đòi bà Lâm Thị Út M và ông Phan Lệ T trả phần đất 123,7m^2 nằm một phần trong thửa số 150, tờ bản đồ số 45 do bà Lâm Thị Út M đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, có tuyên kích thước và vị trí tứ cạnh kèm theo.

2/. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lâm Thị Út M kiện ông Lâm Văn Đ và bà Hoàng Thị L trả phần đất diện tích 10,5m^2.

Buộc ông Lâm Văn Đ và bà Hoàng Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị Út M và ông Phan Lệ T phần đất có tổng diện tích 10,5m^2, có tuyên kích thước và vị trí tứ cạnh kèm theo, nằm trong một phần thửa số 150, tờ bản đồ số 45 do bà Lâm Thị Út M đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Đất hiện ông Đ chưa canh tác.

3/. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lâm Văn Đ đòi hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lâm Thị Út M đứng tên ở một phần thửa số 150, tờ bản đồ số 45 diện tích 123,7m^2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá đất, tài sản tranh chấp và chi phí khác, án phí, Luật thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 20/7/2017 ông Lâm Văn Đ kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, ông không đồng ý trả cho bà M diện tích đất 10,5m^2, ông yêu cầu bà M giao trả diện tích đất 123,7m^2 và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà M.

Tại phiên Tòa phúc thẩm ông Lâm Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ.

- *Về nội dung vụ án*: Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thấy, trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông Lâm Văn Đ và bà Lâm Thị Út M thống nhất xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lâm Văn Đ chuyển nhượng cho ông Lâm Văn C. Do các bên đương sự đã tự thống nhất vấn đề nêu trên nên đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Lâm Văn Đ, ông yêu cầu bà Lâm Thị Út M giao trả diện tích đất 123,7m^2. Ông Đ xác định khoảng năm 2003 - 2004 ông có chuyển nhượng cho ông Lâm Văn C là cha của bà M phần đất có diện tích 0,5 công tầm cấy. Khi chuyển nhượng chỉ làm giấy tay, có vợ chồng ông và ông C chứng kiến, giấy tay chuyển nhượng đất do ông C giữ. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ thể hiện, vào năm 2008 ông Đ đăng ký kê khai phần đất tại thửa 146 tờ bản đồ số 45 với tổng diện tích 1.734,5m^2 nhưng ông Đ lại không đăng ký kê khai phần đất diện tích 123,7m^2 hiện tranh chấp với bà M, do đó việc ông Đ cho rằng phần đất tranh chấp là của ông là không có căn cứ để chấp nhận. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 05/7/2017 (bút lục 416 - 417) ông Đ cũng thừa nhận việc bà M xây nhà trên phần đất tranh chấp ông biết nhưng không ngăn cản cũng không phát sinh tranh chấp và hàng Dâm Bụp (Dâm Bụt) là do ông trồng mục đích trồng là để làm ranh đất giữa ông và bà M nhưng ông Đ cũng không trình bày được lý do tại sao lại không trồng trên phần đất tranh chấp mà lại trồng trên toàn bộ phần đất của ông, ông cũng không chứng minh được ông chuyển nhượng cho ông C phần đất 0,5 công như ông trình bày. Còn bà M xác định vào năm 2003 ông Đ chuyển nhượng đất cho cha của bà là ông C diện tích bao nhiêu thì bà không biết, nhưng sau khi ông C nhận chuyển nhượng đất từ ông Đ thì ông C giao toàn bộ phần đất nhận chuyển nhượng từ ông Đ cho bà sử dụng. Khi sử dụng đất bà M đã đắp nền nhà và cắm trụ đá và ông Đ trồng hàng Dâm Bụp làm ranh (hiện trụ đá vẫn còn) và cất nhà sử dụng cho đến nay, ông Đ ở giáp ranh cũng biết việc bà M sử dụng đất, cắm trụ đá làm ranh và cất nhà ở nhưng không có động thái ngăn cản hay phát sinh tranh chấp. Bên cạnh đó, xét về thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M, đơn xin cấp đất của bà M ngày 27/5/2013 cũng ghi rõ nguồn gốc là nhận chuyển nhượng của ông Đ. Cơ quan chuyên môn xác định, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M ngày 05/8/2013 đã tiến hành đo đạc thực tế, có lấy ý kiến dân cư trong đó có ông Đ tham dự nhưng ông Đ cũng không có ý kiến gì về việc bà M xin

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo quy định pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đ không đồng ý giao trả diện tích 10,5m^2 cho bà M, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại lời khai ngày 21/8/2015 ông Đ xác định khi bà M làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 714,8m^2 ông cũng đồng ý nhưng đo từ mí kênh lên. Mặt khác, khi bà M đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đ cũng biết nhưng không có ý kiến và thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M là đúng trình tự quy định pháp luật và diện tích 10,5m^2 thuộc một phần diện tích 714,8m^2, nằm trong thửa 150, tờ bản đồ số 45 do bà M đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, có căn cứ buộc ông Đ giao trả diện tích 10,5m^2 như cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 123,7m^2 do bà M đứng tên. Qua xem xét hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M là đúng trình tự quy định pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[5] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Văn Đ, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm ông Lâm Văn Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 157, 158, 165, 166 và Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 99, Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn Đ đòi bà Lâm Thị Út M và ông Phan Lệ T trả diện tích đất 123,7m^2 nằm một phần trong thửa số 150, tờ bản đồ số 45 do bà Lâm Thị Út M đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, có kích thước và vị trí như sau:

Phần đất tranh chấp thứ nhất:

Hướng Đông giáp kênh T, có số đo 2,4m;

Hướng Tây giáp phần đất tranh chấp thứ hai, có số đo 2,4m;

Hướng Nam giáp đất không tranh chấp của bà Lâm Thị Út M, có số đo 24,4m;

Hướng Bắc giáp phần đất không tranh chấp của ông Lâm Văn Đ, có số đo 24,9m;

Phần đất tranh chấp thứ hai:

Hướng Đông giáp phần đất tranh chấp thứ nhất, có số đo 2,4m;

Hướng Tây giáp đất ruộng của bà Nguyễn Thị L, có số đo 2,4m;

Hướng Nam giáp với phần đất không tranh chấp của bà M, có số đo 30m;

Hướng Bắc giáp với phần đất không tranh chấp của ông Lâm Văn Đ, có số đo 30m;

2/. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lâm Thị Út M kiện ông Lâm Văn Đ và bà Hoàng Thị L trả diện tích 10,5m^2.

Buộc ông Lâm Văn Đ và bà Hoàng Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị Út M và ông Phan Lệ T phần đất có kích thước và định vị như sau:

Hướng Đông giáp phần đất ông Đ và bà M đang tranh chấp, số đo 0m;

Hướng Tây giáp phần đất ruộng của bà Nguyễn Thị L, có số đo 1,4m;

Hướng Nam giáp phần đất của bà M và ông Đ tranh chấp, có số đo 15m;

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Đ, có số đo 15m;

Tổng diện tích 10,5m^2, nằm trong một phần trong thửa số 150, tờ bản đồ số 45 do bà Lâm Thị Út M đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Đất hiện ông Đ chưa canh tác.

3/. Không chấp nhận yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lâm Thị Út M đứng tên ở một phần thửa số 150, tờ bản đồ số 45 diện tích 123,7m^2 của ông Lâm Văn Đ.

4/ Về chi phí đo đạc, định giá đất, tài sản tranh chấp và chi phí khác: Ông Lâm Văn Đ tạm ứng 2 lần bằng số tiền 1.800.000 đồng, bà M tạm ứng 1 lần bằng số tiền 1.000.000 đồng; đã chi hết số tiền 2.550.000 đồng. Buộc ông Đ có nghĩa vụ nộp số tiền 750.000 đồng để hoàn trả cho bà M. Bà M được nhận lại số tiền 250.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện P.

5/. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Văn Đ phải chịu 772.681 đồng. Ông Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 200.000 đồng theo biên lai số 004741 ngày 29/12/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí. Ông Lâm Văn Đ phải nộp tiếp số tiền 572.681 đồng;

Bà Lâm Thị Út M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 005128 ngày 10/11/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu sẽ được hoàn lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lâm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng. Ông Lâm Văn Đ đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng tại biên lai thu số 0009931 ngày 20/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm dân sự có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện P (01 bản);
- CCTHADS huyện P (01 bản);
- Các đương sự (13 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn Hoàng